TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Châu Nam Phú.**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Múth Sô Ny;

2. Bà Chau Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - **T**hư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa, bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXX-ST ngày 28/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐDS-ST ngày 28/6/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: Tổ 01, khóm H 1, phường Long S, thị xã T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị M, sinh năm 1981.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 16, ấp Phú T, xã A, huyện T, tỉnh An Giang,

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Đ có mặt, bị đơn chị M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lại ngày 27 tháng 4 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và bà Võ Thị M qua mai mối, giới thiệu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long S, thị xã T, tỉnh An Giang vào năm 2002.

Sau khi cưới nhau thì vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, do cuộc sống khó khăn nên vào năm 2009 chị M tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã An P, huyện T sinh sống và vợ chồng cũng đã ly thân từ đó đến nay hơn 10 năm không còn liên lạc, xét thấy vợ chồng ly thân đã lâu không còn tình cảm nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị M.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 20/11/2000 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 16/10/2003. Hiện do chị M đang nuôi dưỡng, anh đồng ý để chị M nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại lời khai ngày 29/5/2018, em Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thanh P có nguyện vọng xin được sống với mẹ là chị Võ Thị M.

Quá trình tố tụng, chị Võ Thị M đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng thông qua việc niêm yết công khai về: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 13/7/2018, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa*

và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: nhận thấy hôn nhân giữa anh Đ và chị M là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống có sự mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

Về con chung**:** có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 20/11/2000 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 16/10/2003, đang chung sống với chị M. Khi ly hôn anh Đ đồng ý để hai đứa con cho chị M nuôi dưỡng, hai đứa con cũng có nguyện vọng sống với mẹ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của hai đứa con được chung sống với chị M.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập chị Võ Thị M tham gia phiên tòa hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và theo nơi cư trú của bị đơn chị M sống tổ 6, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Võ Thị M xác lập vào năm 2000, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long S, thị xã T theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo xác minh thì cuộc sống hôn nhân của anh Đ, chị M có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, theo gia đình chị M thì chị M hiện đang chung sống với người khác, điều này chứng minh tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: anh Nguyễn Văn Đ và chị Võ Thị M có hai đứa con chung tên Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 20/11/2000 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 16/10/2003, hiện đang chung sống với chị M. Khi ly hôn anh Đ không yêu cầu quyền nuôi con, đồng ý giao chung cho chị M nuôi dưỡng, hai đứa con chung có nguyện vọng sống mẹ là chị M nên Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của hai đứa con chung Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Thanh P sống với chị M.

Chị Võ Thị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn Đ việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung anh Nguyễn Văn Đ nêu có không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Tại phiên tòa, chị Võ Thị M vắng mặt không có ý kiến, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Võ Thị M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Võ Thị M.

2. Về quan hệ con chung: ghi nhận nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 20/11/2000 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 16/10/2003 sống với chị Võ Thị M.

Chị Võ Thị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hoàng Giang việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004198 ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKS.h.TB (1);
- THA h.TB (1);
- UBND P.Long P, thị xã T(01);
- TA Tỉnh AG (1);
- Lưu hs, văn thư (2).

Châu Nam Phú